

Bản số: 06/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 23/01/2024

"V/v Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh.

2 Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại hội trường, Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 721/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐSTHNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1990. *(Có mặt)*

Trú quán: Xóm T, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Phạm Tuấn H, sinh năm 1985. *(Có mặt)*

Trú quán: Tổ I, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thanh T trình bày: Tôi và anh Phạm Tuấn H được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Hiện nay chúng tôi đã ly thân từ cuối năm 2022 và tôi đã chuyển về Xóm T, xã N, huyện P và nuôi con nhỏ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Trần Đ, sinh ngày 09/3/2022. Khi ly hôn con còn nhỏ nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu anh H cấp dưỡng là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Tôi xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của bị đơn anh Phạm Tuấn H:* Về quan hệ vợ chồng: Tôi xác định thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Chị T bỏ về huyện P từ tháng 9/2021 để làm việc và sinh con. Chủ yếu mục đích là ở gần đi lại cho tiện công việc vì đang có bầu, do đó tôi cũng nhất trí. Tôi xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ. Do công việc của tôi phải đi lại nhiều và đi xa, nhưng tôi vẫn đi lại thăm con và đóng góp phí sinh hoạt cho con hàng tháng. Vì lý do công việc do đó vợ chồng ít gặp nhau.

Nay chị T xin ly hôn tôi không nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm. Vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu do tính chất công việc. Vợ chồng không nói chuyện với nhau từ rất lâu rồi và tôi có thỉnh thoảng nhắn tin hỏi thăm gia đình bên ngoại và con chung.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Trần Đ, sinh ngày 09/3/2022. Trong trường hợp phải ly hôn thì tôi nhất trí để chị T nuôi dưỡng cháu Phạm Trần Đ, sinh ngày 09/3/2022 trong khoảng thời gian nhất định. Về phần cấp dưỡng tôi nhất trí cấp dưỡng là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Tôi xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết và hòa giải các đương sự đều không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay. Tại phiên Toà các bên không thống nhất được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua xem xét công khai tài liệu chứng cứ tại phiên toà có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, Bị đơn anh H cư trú phường P, thành phố T, căn cứ Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung: Căn cứ lời khai chị T và anh H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định anh H và chị T đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn lý do là vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng vì không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, chị xác định không thể đoàn tụ được và kiên quyết xin ly hôn. Anh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ do đó không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy chị T và anh H đã ly thân một thời gian dài và gia đình đã trao đổi nhiều lần nhưng không đoàn tụ được, tại phiên Toà chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được, kiên quyết xin ly hôn và thực tế trong quá trình toà án giải quyết anh H cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Trần Đ, sinh ngày 09/3/2022. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, anh H xác định trong trường hợp phải ly hôn thì anh nhất trí để chị T nuôi dưỡng cháu Phạm Trần Đ trong khoảng thời gian nhất định. Do đó công nhận thoả thuận của các bên, cháu Đ còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, nên cần giao con chung là cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về phần cấp dưỡng chị T và anh H thống nhất thoả thuận anh H cấp dưỡng là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Do đó anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Đ là 3.000.000đ/tháng cho chị T. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024.

Anh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về án phí: Tại phiên Toà chị T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và

Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thanh T. Cho chị T được ly hôn với anh Phạm Tuấn H.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Trần Đ, sinh ngày 09/3/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung khôn lớn trưởng thành (*đủ 18 tuổi*) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H có trách nhiệm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là **3.000.000đ/tháng**. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu Phạm Trần Đ trưởng thành (*đủ 18 tuổi*) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và đến thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thanh T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000268 ngày 07/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Chị T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- Đường sự;
- UBND phường P;
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Duy Chính

